

DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ?

• ThS. TRẦN VĂN DŨNG
Sở GD - ĐT Thừa Thiên - Huế

Những năm gần đây trong giáo dục người ta thường đề cập đến thuật ngữ "chuẩn kiến thức kĩ năng" (CKTKN), đặc biệt trong năm học 2010-2011, Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT) đã mở nhiều lớp tập huấn cho giáo viên nông cốt về "dạy học, kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kĩ năng"¹, đưa vào văn bản hướng dẫn như là một trong những nhiệm vụ then chốt của năm học. Vậy tại sao CKTKN lại mang một ý nghĩa quan trọng như thế? Nó tác động như thế nào đối với chất lượng dạy học? Cần làm gì để sử dụng nó và sử dụng bằng cách nào để đạt hiệu quả tốt? Qua nội dung bài viết này, chúng tôi hy vọng sẽ tìm lời giải đáp cho những thắc mắc trên.

I. Sự ra đời và ý nghĩa của Chuẩn kiến thức, kĩ năng

CKTKN ra đời từ thập niên 90 ở các nước Bắc Mỹ từ trường phái «Trường học hiệu quả» (L'école efficace/The effective school)² dạy học theo phương thức hình thành kĩ năng (approche par compétences/skills approach). Quan điểm này nhấn mạnh đến vai trò điều tiết của phát triển xã hội đối với giáo dục và sự thích ứng của chủ thể vào đời sống xã hội. Ở đây tiếp cận sự phạm của thầy được dựa trên cơ sở *hoạt động tập thể* và *sự hợp tác* giữa các học sinh. Thông qua vai trò hướng dẫn, tổ chức, điều phối hoạt động, cung cấp thông tin, v.v... giáo viên giúp học sinh tự khám phá, nắm vững kiến thức, vận dụng chúng để rèn luyện các kĩ năng bộ môn; biết huy động các kĩ năng đa ngành đã có, hình thành động cơ, nhu cầu sáng tạo để phát triển tư duy,

tự hình thành các kĩ năng sống, học tập, làm việc thích ứng với môi trường học tập và cuộc sống. Để áp dụng quan điểm dạy học tích cực này, trước khi lập kế hoạch giáo dục, các nhà giáo dục phải tiến hành một công trình điều tra xã hội học đưa ra *bộ tiêu chuẩn các năng lực* (référentiel de compétences/reference skills) mà học sinh phải đạt sau đào tạo, tham chiếu vào đó để xây dựng *bộ chuẩn đào tạo* (référentiel de formation/training standards)³ làm căn cứ để thiết kế các khung chuẩn kĩ năng dạy học bộ môn. Mô hình đào tạo này xuất phát từ yêu cầu của nền kinh tế thị trường, nó buộc nhà trường phải chuyển đổi phương thức đào tạo theo lô-gích lợi nhuận (logique marchande/market logic)⁴, đòi hỏi xã hội phải đo lường một cách tường minh (định tính & định lượng) sản phẩm của giáo dục dựa trên các bộ tiêu chí đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục (ví dụ như bộ tiêu chí của Chương trình đánh giá HS quốc tế - PISA).

Để nhanh chóng hội nhập toàn cầu, ngành giáo dục Việt Nam đã chuyển đổi mô hình đào tạo thích ứng với "nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa". Tính chất thị trường đòi hỏi nền giáo dục mới cũng phải nâng cao tính hiệu quả trong đào tạo, hình thành cho học sinh các kĩ năng cần thiết của xã hội hiện đại, đồng thời cũng phải duy trì phát huy các giá trị bản sắc của dân tộc theo đường hướng phát triển mới. Do đó khác với các nước, giáo dục Việt Nam không chỉ coi trọng kĩ năng mà đồng thời cả

1. Bộ GD&ĐT, Công văn 4718/BGDĐT-GDTrH về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTrH năm học 2010-2011, Hà Nội 8-2010.

2. GAUTHIER C., BISSONNETTE S., RICHARD M., *How do we teach in schools efficaces? School effectiveness and reform, training and profession-Education and Human Sciences* IQRC-7 2006.

3. PIOT, Thierry, (2008), *la didactique professionnelle du métier de formateur et d'enseignant*, Master professionnel Ingénierie de formation, Promotion 3-Session 1 – 6-10 octobre 2008 - Hanoi.

4. MAROY C. et DUPRIEZ V. (2000), *La régulation dans les systèmes scolaires. Proposition théorique et analyse du cadre structurel en Belgique francophone*, *Revue Française de Pédagogie*, n° 130, janvier-mars, pp. 73-87. Voir aussi *Recherches sociologiques*, XXXV, 2, 2004, Université catholique de Louvain.

vai trò của kiến thức trong việc hình thành thế giới quan và nhân sinh quan. Chương trình giáo dục phổ thông, xây dựng trên Luật Giáo dục, hướng nhà trường đến một mô hình giáo dục hiện đại nhưng phải in đậm bản sắc dân tộc. Việc xây dựng chuẩn kiến thức kĩ năng ở đây chính là cơ sở để chúng ta xây dựng kế hoạch dạy học của từng ngành học, cấp học, môn học, chương trình học và ở quy mô nhỏ để thiết kế nội dung bài học, tiết học theo đúng mục tiêu giáo dục.

II. Vai trò, vị trí của chuẩn kiến thức, kĩ năng trong đổi mới dạy học hiện nay

Muốn tìm hiểu ý nghĩa, vai trò của CKTKN, chúng ta phải nắm khái niệm "chuẩn". Chuẩn (norme/standard) là "*những yêu cầu, tiêu chí tuân thủ những nguyên tắc nhất định, được dùng làm thước đo đánh giá hoạt động, công việc, sản phẩm của lĩnh vực nào đó. Đạt được những yêu cầu của Chuẩn là đạt được mục tiêu mong muốn của chủ thể quản lí hoạt động, công việc, sản phẩm đó*"⁵. Nói một cách khác Chuẩn là "tiêu chí" dẫn dắt định hướng chủ thể đến với hiệu quả của hoạt động, công việc, sản phẩm mà bản thân có trách nhiệm hoàn thành.

Trong giáo dục *Chuẩn* là *công cụ tác nghiệp đa năng* của nhiều chủ thể tham gia vào quá trình dạy học. *Chuẩn* là *căn cứ* để nhà chiến lược xây dựng kế hoạch giáo dục; để nhà giáo dục thiết kế chương trình học, lựa chọn tài liệu, phương thức, phương pháp để biên soạn sách giáo khoa; để nhà quản lí sử dụng chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra dạy học; để người dạy xác định nội dung, phương pháp, kĩ thuật, công cụ dạy học đáp ứng mục tiêu dạy học bộ môn, yêu cầu bài dạy, tiết dạy; để người kiểm tra cụ thể hoá các tiêu chí đánh giá hoạt động của giáo viên, công việc của nhà quản lí, sản phẩm của nhà đào tạo, hiệu quả của cơ sở đào tạo, v.v... Hơn thế nữa *Chuẩn* còn đóng vai trò *điều chỉnh*, sử dụng như một *công cụ của tự đánh giá, đánh giá ngoài* giúp học sinh làm căn cứ để đánh giá kiến thức, năng lực, trình độ đạt chuẩn của mình, phản hồi thông tin cho giáo viên, phụ huynh; giáo viên cũng có thể dựa vào *Chuẩn*

đối chiếu với các nguồn thông tin bên ngoài để tự đánh giá công việc, góp ý đánh giá đồng nghiệp, kịp thời phản hồi chia sẻ thông tin, điều chỉnh dạy-học sát đúng hơn với mục đích, yêu cầu, mục tiêu.

Từ tính chất đa năng của *Chuẩn* mà các nhà giáo dục xây dựng CKTKN không những làm cơ sở để xây dựng chương trình học (curriculum)⁶, cơ chế dạy học (dispositif pédagogique/educational device), phương thức - công cụ dạy học mà còn để định hướng, tổ chức điều chỉnh dạy học; thẩm định, đo lường hiệu quả dạy học & đào tạo. Đối với chúng ta hiện nay, CKTKN còn là công cụ chính để *đổi mới nhận thức và phương thức tác nghiệp sư phạm*, đưa nội dung & phương pháp mới vào trong hoạt động dạy học, chủ động sử dụng phương pháp tích cực kết hợp ưu thế của các phương pháp khác để đổi mới dạy học, nâng cao hiệu quả đào tạo của bản thân, tập thể và đơn vị.

III. Những yêu cầu của dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng

Thực tế cho thấy "muốn" và "biết" chưa hẳn đã có thể « làm » tốt. Nhận thức sơ sài thường dẫn đến việc áp dụng "má y móc", thiếu sáng tạo và đương nhiên khó có thể đạt hiệu quả tốt. Việc nắm vững kiến thức để thay đổi nhận thức, điều chỉnh hành vi, hình thành thói quen mới bao giờ cũng là điều kiện thiết yếu để "đổi mới" thật sự, nhất là trong giáo dục.

Vì vậy về mặt nhận thức, *thứ nhất* người dạy phải hiểu rõ ý nghĩa, vai trò vị trí của CKTKN trong đổi mới dạy học như đã trình bày ở trên. *Thứ hai* phân biệt được sự khác biệt giữa các khái niệm "khả năng" (capacité/capacity), "kĩ năng" (compétence/competence) và "năng lực" (performance) cũng như giữa "mục tiêu" và các "mục đích" khác nhau của hoạt động dạy học: *mục đích tổng quát, mục đích chuyên biệt và mục đích thao tác* (objectifs généraux/general objectives, objectifs spécifiques/specific objectives et objectifs opérationnels/and operational objectives)⁷. Trong ba loại, mục tiêu thứ ba gắn liền với từng khả năng cụ thể mà

5. Bộ GD&ĐT, *Dạy học, kiểm tra đánh giá theo chuẩn kiến thức-kĩ năng trong chương trình giáo dục phổ thông*, Tài liệu tập huấn giáo viên-- Hà Nội 7-2010.

6. PERRENOUD Philippe, (1993), *Curriculum : le formel, le réel, le caché*, Faculté de psychologie et des sciences de l'éducation, Université de Genève

7. Trần Văn Dũng, *Kiểm tra đánh giá ở trường phổ thông*, Tài liệu tập huấn về Ngân hàng đề, Sở GD&ĐT-TT Huế 2008.

người dạy phải xác định trước khi lên lớp cùng với nội dung, yêu cầu của bài. Mục đích này vừa là chuẩn kĩ năng của bài dạy vừa là tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động dạy học sau một tiết, một bài, v. v... Thứ ba, phải nắm vững được 6 cấp độ phát triển tư duy trong bảng phân loại năng lực trí tuệ của Bloom (taxonomie de Bloom/taxonomy Bloom)⁸.

Về thực hành, phải biết làm gì và làm như thế nào. Ở đây, trong phạm vi bài viết, chúng tôi chỉ đề cập tổng quát những nội dung giáo viên cần làm và một số phương thức, công cụ cần nắm vững để khai thác tốt CKTKN. Yêu cầu trước tiên là phải biết sử dụng CKTKN để xác định mục đích, yêu cầu kiến thức-kĩ năng của bài dạy, tiết dạy từ đó chọn nội dung, phương pháp, kĩ thuật và công cụ (tài liệu, trang thiết bị,...) thích hợp đưa vào giáo án trước khi tổ chức thực hiện "bản thiết kế" đó trên lớp. Trong kiểm tra đánh giá, cần biết dùng CKTKN để ra các bài tập củng cố sau mỗi tiết học/bài học, đánh giá hiệu quả giờ dạy, điều chỉnh dạy học; xây dựng ma trận, biên soạn đề kiểm tra một tiết và học kì để tổng kết đánh giá học sinh; biết cách dùng CKTKN để hướng dẫn học sinh xây dựng kế hoạch cá nhân đầu năm (portfolio d'élève/student portfolio)⁹, làm tiêu chí để tự đánh giá sau mỗi học kì và phản hồi thông tin cho giáo viên, phụ huynh, v.v... qua phiếu tự đánh giá (fiche d'autoévaluation/self-assessment sheet). Theo cách thức dạy học này, giáo viên phải bổ sung vào bộ công cụ dạy học (portfolio d'enseignant/teacher portfolio) của mình không những khung CKTKN của cấp/ lớp mà còn thêm ma trận soạn đề kiểm tra (matrice d'évaluation/evaluation matrix), phiếu tự đánh giá của học sinh.

Ngoài việc nắm được quy trình, trang bị công cụ, còn cần phải biết "công thức" và "kĩ thuật" khai thác CKTKN, tự tạo bản lĩnh sư phạm cho mình. Theo phương thức này thì trước hết phải hướng dẫn học sinh trực tiếp hành động (approche actionnelle/actional approach) bằng các thao tác trí tuệ (démarche opératoire-

cognitive/cognitive-operative approach)¹⁰ để tự giác lĩnh hội kiến thức; tiếp đến vận dụng thực hành biến chúng thành kĩ năng. Sau đó tiếp tục huy động nhiều kĩ năng tổng hợp để giải quyết những vấn đề đặt ra mà hình thành năng lực. Để thực hiện được, giáo viên phải sử dụng tốt các hình thức dạy kĩ năng như dạy học theo dự án (pédagogie de projet/project teaching), dạy học đa dạng hoá (pédagogie différenciée/differentiated instruction), dạy học điều chỉnh (pédagogie de l'erreur/pedagogy of the error), dạy học hợp tác (pédagogie de coopération/educational cooperation), v.v... với nhiều cách thức khác nhau như dạy bằng thực hành tại chỗ, bằng tình huống giả định (trên lớp, phòng thực hành thí nghiệm) hay tình huống thật (khảo nghiệm thực tế, v.v...), bằng công nghệ thông tin, bằng nghiên cứu thực nghiệm (như cách của Ct Intel-Isef). Ngoài ra còn phải hiểu được tâm sinh lý của học sinh để có thể thích ứng với từng đối tượng.

Sự phân tích vấn đề dạy học theo CKTKN trên đây cho chúng ta thấy rõ hơn mối quan hệ giữa CKTKN và đổi mới dạy học. Khai thác tốt CKTKN sẽ là điều kiện để chúng ta đổi mới nâng cao chất lượng dạy học. Ngược lại, nâng cao chất lượng dạy học sẽ tạo ra môi trường thuận lợi để phát huy hiệu quả vai trò của CKTKN trong việc định hướng, điều chỉnh dạy học cũng như trong đánh giá sản phẩm và thẩm định chất lượng đào tạo, góp phần hoàn thiện Chuẩn để đáp ứng tốt hơn yêu cầu đào tạo. Nắm vững và sử dụng tốt CKTKN, chúng ta tin tưởng sẽ tự hoàn thiện tốt năng lực nghề nghiệp, mạnh dạn sử dụng CKTKN để nâng cao hiệu dạy học, tạo nên mối quan hệ "hợp tác thân thiện" trong nhà trường, đóng góp phần mình vào sự nghiệp đổi mới giáo dục hiện nay của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. AMIGUES René, POUDOU Marie-Thérèse Zerbato, *Les pratiques scolaires d'apprentissage et d'évaluation*, Savoir enseigner, (1996) DUNOD-Paris.

8. BLOOM, B, et al. (1969). *Taxonomie des objectifs pédagogiques : 1. Domaine cognitif*, traduit par M. Lavallée, Montréal, Éducation nouvelle.

9. <http://pages.videotron.com/cltr>, *Mon portfolio branché sur les compétences*, Nouvelle adresse de Formatic 2000.

10. AMIGUES René, POUDOU Marie-Thérèse Zerbato, *Les pratiques scolaires d'apprentissage et d'évaluation*, Savoir enseigner, (1996) DUNOD-Paris